

BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I
MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 7

TT	Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý /số câu hỏi		Câu hỏi	
				TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)
1	MỞ ĐẦU (6 tiết)			6		C1-C6	
		Nhận biết	Trình bày được một số phương pháp và kỹ năng trong học tập môn Khoa học tự nhiên	4		C1-C4	
		Thông hiểu	- Thực hiện được các kỹ năng tiến trình: quan sát, phân loại, liên kết, đo, dự báo. - Sử dụng được một số dụng cụ đo (trong nội dung môn Khoa học tự nhiên 7).	2		C5-C6	
		Vận dụng	Làm được báo cáo, thuyết trình.				
2	NGUYÊN TỬ. SƠ LƯỢC BẢNG TUẦN HOÀN CÁC NGUYÊN TỐ HOÁ HỌC (16 tiết)			6	3	C7- C12	C17- C19
	Nguyên tử	Nhận biết	- Nêu được khối lượng của một nguyên tử theo đơn vị quốc tế amu (đơn vị khối lượng nguyên tử).	2		C7-C8	
		Thông hiểu	- Trình bày được mô hình nguyên tử của Rutherford - Bohr (mô hình sắp xếp electron trong các lớp vỏ		1		C17

			nguyên tử).				
Nguyên tố hóa học	Nhận biết	- Phát biểu được khái niệm về nguyên tố hoá học và kí hiệu nguyên tố hoá học.	3		C9- C11		
	*Thông hiểu	- Hiểu được khái niệm về nguyên tố hoá học và kí hiệu nguyên tố hoá học.	1		C12		
	Vận dụng	- Viết được kí hiệu hoá học và đọc được tên của 20 nguyên tố đầu tiên.					
Sơ lược về bảng tuần hoàn các NTHHH	Nhận biết	- Nêu được các nguyên tắc xây dựng bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học.		1		C18	
	Thông hiểu	- Mô tả được cấu tạo bảng tuần hoàn gồm: ô, nhóm, chu kì.					
	Vận dụng	Sử dụng được bảng tuần hoàn để chỉ ra các nhóm nguyên tố/nguyên tố kim loại, các nhóm nguyên tố/nguyên tố phi kim, nhóm nguyên tố khí hiếm trong bảng tuần hoàn.		1		C19	
3	PHÂN TỬ (13 tiết)			4	3	C13- C16	C20- C22
	Phân tử; đơn chất; hợp chất	Nhận biết	Nêu được khái niệm phân tử, đơn chất, hợp chất.	1		C13	

		Thông hiểu	- Đưa ra được một số ví dụ về đơn chất và hợp chất.				
		Vận dụng	- Xác định được đơn chất và hợp chất có trong một số sản phẩm thực tế. - Tính được khối lượng phân tử theo đơn vị amu.		1		C20
	Giới thiệu về liên kết hoá học (ion, cộng hoá trị)	Thông hiểu	- *Nêu được mô hình sắp xếp electron trong vỏ nguyên tử của một số nguyên tố khí hiếm; sự hình thành liên kết cộng hoá trị theo nguyên tắc dùng chung electron để tạo ra lớp vỏ electron của nguyên tố khí hiếm (Áp dụng được cho các phân tử đơn giản như H ₂ , Cl ₂ , NH ₃ , H ₂ O, CO ₂ , N ₂ , ...). - *Nêu được được sự hình thành liên kết ion theo nguyên tắc cho và nhận electron để tạo ra ion có lớp vỏ electron của nguyên tố khí hiếm (Áp dụng cho phân tử đơn giản như NaCl, MgO, ...). - Chỉ ra được sự khác nhau về một số tính chất của chất ion và chất cộng hoá trị.	1	1	C14	C21
	Hoá trị; công thức hoá học	Nhận biết	- Trình bày được khái niệm về hoá trị (cho chất cộng hoá trị). Cách viết công thức hoá học. - Nêu được mối liên hệ giữa hoá trị của nguyên tố với công thức hoá học.	2		C15- C16	

		Thông hiểu	<ul style="list-style-type: none"> - Viết được công thức hoá học của một số chất và hợp chất đơn giản thông dụng. - Tính được phần trăm (%) nguyên tố trong hợp chất khi biết công thức hoá học của hợp chất. 				
		Vận dụng	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được công thức hoá học của hợp chất dựa vào phần trăm (%) nguyên tố và khối lượng phân tử. 		1		C22